

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 07/2019/RSMHN-BCKT ngày 18 tháng 02 năm 2019.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

**Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>278.828.066.949</b>	<b>269.461.451.034</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.219.962.461	25.551.131.787
111	1. Tiền		22.219.962.461	5.551.131.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	153.000.000.000	108.547.245.522
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153.000.000.000	108.547.245.522
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.216.741.458	112.430.237.353
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	252.965.547.283	311.035.709.524
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.557.106.272	2.108.452.914
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.948.854.224	14.090.797.236
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(208.254.766.321)	(214.804.722.321)
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.981.133.941	20.381.871.484
141	1. Hàng tồn kho		24.347.915.288	20.381.871.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(366.781.347)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.410.229.089	2.550.964.888
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		416.561.367	380.177.097
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.267.898.762	1.911.940.300
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	725.768.960	258.847.491
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>289.156.182.665</b>	<b>301.506.419.684</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.268.440.794	2.268.440.794
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.268.440.794	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		12.372.762.433	11.248.949.129
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.719.955.974	622.674.929
222	- Nguyên giá		8.382.143.708	7.862.974.708
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.662.187.734)	(7.240.299.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.652.806.459	10.626.274.200
228	- Nguyên giá		11.174.239.200	11.144.239.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(521.432.741)	(517.965.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	33.528.513
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.512.094.427)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.054.545	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.054.545	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	231.552.563.471	252.694.347.603
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(38.691.627.291)	(17.549.843.159)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		42.938.361.422	35.261.153.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	42.938.361.422	35.261.153.645
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>567.984.249.614</b>	<b>570.967.870.718</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>98.282.231.254</b>	<b>126.598.456.376</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>98.282.231.254</b>	<b>126.598.456.376</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	27.726.439.665	56.032.740.122
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	15.496.706.670	1.038.980.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	475.037.858	304.529.868
314	4. Phải trả người lao động		2.475.939.584	1.842.521.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	120.000.000	120.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		103.864.200	422.223.807
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.559.040.653	12.504.998.605
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	46.886.978.000	53.886.978.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.438.224.624	445.484.249
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>469.702.018.360</b>	<b>444.369.414.342</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>469.702.018.360</b>	<b>444.369.414.342</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		64.552.870.694	39.220.266.676
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.264.714.104	16.329.132.720
421b	LNST chưa phân phối năm nay		43.288.156.590	22.891.133.956
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>567.984.249.614</b>	<b>570.967.870.718</b>

Hà Thị Thanh Hậu  
Người lậpHoàng Minh Đức  
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	872.416.333.414	822.194.949.925		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		872.416.333.414	822.194.949.925		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	865.170.612.832	816.601.607.602		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.245.720.582	5.593.342.323		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	93.271.184.150	90.660.188.031		
22	7. Chi phí tài chính	25	21.545.479.298	1.319.962.328		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	58.609.181		
25	8. Chi phí bán hàng	26	8.113.165.135	8.422.837.948		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.834.479.831	50.639.800.407		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.023.780.468	35.870.929.671		
31	11. Thu nhập khác	28	387.235.249	1.417.146.239		
32	12. Chi phí khác	29	122.859.127	873.431.954		
40	13. Lợi nhuận khác		264.376.122	543.714.285		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.288.156.590	36.414.643.956		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>43.288.156.590</b>	<b>36.414.643.956</b>		



Hà Thị Thanh Hậu  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.288.156.590	36.414.643.956
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		246.078.845	342.895.103
03	- Các khoản dự phòng		14.958.609.479	24.891.596.728
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		403.545.603	3.369.630
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(91.479.574.483)	(90.659.419.738)
06	- Chi phí lãi vay		-	58.609.181
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(32.583.183.966)	(28.948.305.140)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.122.898.915	112.316.426.654
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.966.043.804)	2.734.251.893
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.734.119.031)	(98.952.847.795)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.713.592.047)	2.889.084.068
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(58.609.181)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.439.302.197)	(3.365.599.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.313.342.130)	(13.385.599.438)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.360.418.181)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		269.618.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(168.547.245.522)	(75.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		124.094.491.044	50.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		90.027.083.896	86.983.596.004
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.483.529.419	61.983.596.004
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.174.931.875
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(7.000.000.000)	(31.174.931.875)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.501.288.592)	(29.453.107.149)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(29.501.288.592)	(56.453.107.149)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.331.101.303)	(7.855.110.583)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**


Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.551.131.787	33.405.474.077
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(68.023)	768.293
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.219.962.461</u>	<u>25.551.131.787</u>



  
Hà Thị Thanh Hậu  
Người lập

  
Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2019*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và xây lắp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn. Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 và Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.16 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các khoản khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	692.855.535	704.946.984
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.527.106.926	4.846.184.803
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<b><u>22.219.962.461</u></b>	<b><u>25.551.131.787</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	<b><u>153.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>108.547.245.522</u></b>	<b><u>-</u></b>

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,1%/năm đến 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính riêng**

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>79.628.213.760</b>	<b>(30.000.000.000)</b>	<b>79.628.213.760</b>	<b>(12.247.971.360)</b>
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(12.247.971.360)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.447.257.429</b>	<b>(1.447.257.429)</b>	<b>1.447.257.429</b>	<b>(1.323.623.991)</b>
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.323.623.991)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>189.168.719.573</b>	<b>(7.244.369.862)</b>	<b>189.168.719.573</b>	<b>(3.978.247.808)</b>
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ôtô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.387.267.072)	3.621.000.000	(1.281.663.209)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	<b>270.244.190.762</b>	<b>(38.691.627.291)</b>	<b>270.244.190.762</b>	<b>(17.549.843.159)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(\*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 34.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(\*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	-	30.638.618.682	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	(20.094.119.114)	20.394.119.114	(20.394.119.114)
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	20.121.805.615	-	20.121.771.509	-
Phải thu các khách hàng khác	68.152.027.605	(39.123.046.705)	95.283.605.270	(45.373.002.705)
	<b><u>254.233.988.077</u></b>	<b><u>(205.083.201.562)</u></b>	<b><u>312.304.150.318</u></b>	<b><u>(211.633.157.562)</u></b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	252.965.547.283	(205.083.201.562)	311.035.709.524	(211.633.157.562)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	1.268.440.794	-	1.268.440.794	-
	<b><u>254.233.988.077</u></b>	<b><u>(205.083.201.562)</u></b>	<b><u>312.304.150.318</u></b>	<b><u>(211.633.157.562)</u></b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b><u>23.707.834.015</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>42.168.127.695</u></b>	<b><u>-</u></b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông (*)	7.082.694.099	-	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty Cổ phần LICOI13 (*)	2.804.528.027	-	-	-
Siemens Internationnal	1.275.455.230	-	-	-
Trả trước người bán khác	4.430.828.916	(918.895.664)	1.144.852.914	(918.895.664)
	<b>16.557.106.272</b>	<b>(918.895.664)</b>	<b>2.108.452.914</b>	<b>(918.895.664)</b>

(\*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Liên danh PVM - Licogi 13- Mê Kông thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình (thông tin bổ sung tại thuyết minh số 15- Người mua trả tiền trước ngắn hạn)

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.858.150.685	-	3.675.823.734	-
Tạm ứng	1.158.790.000	-	1.453.690.000	-
Ký cược, ký quỹ	14.850.039	-	14.919.271	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	6.554.639.724	-	6.554.639.724	-
Phải thu khác	2.362.423.776	(2.252.669.095)	2.391.724.507	(2.252.669.095)
	<b>14.948.854.224</b>	<b>(2.252.669.095)</b>	<b>14.090.797.236</b>	<b>(2.252.669.095)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>6.574.462.213</b>	<b>-</b>	<b>6.567.117.714</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
- Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu D&T	7.185.149.669	7.185.149.669	13.285.149.669	13.285.149.669
- Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	20.094.119.114	20.394.119.114	20.394.119.114
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	21.436.278.535	7.812.821.058	21.586.234.535	4.812.821.058
	<b>208.254.766.321</b>	<b>194.631.308.844</b>	<b>214.804.722.321</b>	<b>198.031.308.844</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

(1): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện để thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này và Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.617.693	(366.781.347)	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.949.079.230	-	19.983.035.426	-
Hàng hoá	25.218.365	-	25.218.365	-
	<b>24.347.915.288</b>	<b>(366.781.347)</b>	<b>20.381.871.484</b>	<b>-</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	6.211.365.178	440.576.384	7.862.974.708
- Mua trong năm	-	1.306.363.636	-	1.306.363.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(787.194.636)	-	(787.194.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.211.033.146</b>	<b>6.730.534.178</b>	<b>440.576.384</b>	<b>8.382.143.708</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	925.771.370	5.885.525.735	429.002.674	7.240.299.779
- Khấu hao trong năm	58.382.364	139.126.517	11.573.710	209.082.591
- Thanh lý, nhượng bán	-	(787.194.636)	-	(787.194.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>984.153.734</b>	<b>5.237.457.616</b>	<b>440.576.384</b>	<b>6.662.187.734</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	285.261.776	325.839.443	11.573.710	622.674.929
Tại ngày cuối năm	<b>226.879.412</b>	<b>1.493.076.562</b>	<b>-</b>	<b>1.719.955.974</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.527.422.643 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.626.274.200	517.965.000	11.144.239.200
- Mua trong năm	-	30.000.000	30.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.626.274.200</b>	<b>547.965.000</b>	<b>11.174.239.200</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	517.965.000	517.965.000
- Khấu hao trong năm	-	3.467.741	3.467.741
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>521.432.741</b>	<b>521.432.741</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	10.626.274.200	-	10.626.274.200
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10.626.274.200</b>	<b>26.532.259</b>	<b>10.652.806.459</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.965.000 đồng.

(\*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại thửa đất số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.779.542.940</b>	<b>9.766.080.000</b>	<b>17.545.622.940</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.732.551.487	17.512.094.427
- Khấu hao trong năm	-	33.528.513	33.528.513
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.779.542.940</b>	<b>9.766.080.000</b>	<b>17.545.622.940</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	33.528.513	33.528.513
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng đang cho thuê : 9.766.080.000 đồng.

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và quyền sử dụng đất không có thời hạn tại đường Đào Cam Mộc, xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội, Thành phố Hà Nội được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	-	21.831.472
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	3.359.414.933	5.983.586.141
Chi phí sửa chữa văn phòng	103.209.194	309.627.542
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.096.973	75.796.241
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	10.780.600.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	139.106.401	327.378.328
	<b><u>42.938.361.422</u></b>	<b><u>35.261.153.645</u></b>

(\*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 và Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	-	-	29.797.111.149	29.797.111.149
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	4.357.745.813	4.357.745.813	5.065.770.065	5.065.770.065
Sennebogen Maschinenfabrik GMBH	10.560.116.830	10.560.116.830	-	-
Phải trả các đối tượng khác	12.808.577.022	12.808.577.022	21.169.858.908	21.169.858.908
	<b><u>27.726.439.665</u></b>	<b><u>27.726.439.665</u></b>	<b><u>56.032.740.122</u></b>	<b><u>56.032.740.122</u></b>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Đại Học Y Dược Thái Bình (*)	12.695.656.166	-
Người mua trả tiền trước khác	1.791.250.504	29.180.004
	<b><u>15.496.706.670</u></b>	<b><u>1.038.980.004</u></b>

(\*) Khoản người mua trả tiền trước thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình. (Chi tiết tại thuyết minh số 06- Trả trước cho người bán ngắn hạn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491	-	-	-	-	-	123.847.491	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	264.490.783	1.007.439.670	837.440.701	837.440.701	-	-	-	434.489.752	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	4.246.469.059	4.713.390.528	4.713.390.528	-	601.921.469	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.039.085	22.674.418	22.165.397	22.165.397	-	-	-	40.548.106	-
	<b>258.847.491</b>	<b>304.529.868</b>	<b>5.276.583.147</b>	<b>5.572.996.626</b>	<b>5.572.996.626</b>	<b>725.768.960</b>	<b>475.037.858</b>			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	335.603.441	303.782.801
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.113.390.437	12.091.169.029
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	110.046.775	110.046.775
	<b>3.559.040.653</b>	<b>12.504.998.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**19 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	53.886.978.000	53.886.978.000	-	7.000.000.000	46.886.978.000	46.886.978.000
	<b>53.886.978.000</b>	<b>53.886.978.000</b>	<b>-</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>46.886.978.000</b>	<b>46.886.978.000</b>

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.
- Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngân hàng không xác nhận có khoản lãi vay nào liên quan;
- Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2019: 46.886.978.000 đồng;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.

Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng ( Số dư tại 31/12/2019 là 96.856.865.496 đồng). Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được toàn quyền thay mặt Công ty tiến hành kiện để thu hồi nợ với Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>17.341.822.677</b>	<b>46.834.737.241</b>	<b>450.562.559.918</b>
Lãi trong năm trước	-	-	36.414.643.956	36.414.643.956
Phân phối lợi nhuận	-	1.421.324.989	(1.421.324.989)	-
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(25.771.946.200)	(25.771.946.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	(13.523.510.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(3.312.333.332)	(3.312.333.332)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>18.763.147.666</b>	<b>39.220.266.676</b>	<b>444.369.414.342</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>18.763.147.666</b>	<b>39.220.266.676</b>	<b>444.369.414.342</b>
Lãi trong năm nay	-	-	43.288.156.590	43.288.156.590
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(4.432.042.572)	(4.432.042.572)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	(13.523.510.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>18.763.147.666</b>	<b>64.552.870.694</b>	<b>469.702.018.360</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 24/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.092.635.174
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành (bằng 13% lợi nhuận sau thuế)	4.432.042.572
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ) (*)	27.047.020.000
Lợi nhuận chưa phân phối	2.613.572.602

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0081/NQ/MTB-HĐQT ngày 25/06/2018, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2018 còn lại sau khi đã tạm ứng cổ tức trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0120/NQ/MTB-HĐQT ngày 08/08/2018 như sau:

Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2019;  
Ngày giao dịch không hưởng quyền: 12/07/2019;  
Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt: 3,5%/ cổ phiếu;

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	0,00%	-	17,14%	66.226.560.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	17,08%	66.000.000.000	0,00%	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	10,61%	40.989.100.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	20,73%	80.082.600.000	31,28%	120.845.140.000
	<b>100%</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>386.386.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.091.169.029	2.248.819.978
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	13.523.510.000	39.295.456.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.523.510.000	25.771.946.200
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	13.523.510.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(22.501.288.592)	(29.453.107.149)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	3.113.390.437	12.091.169.029

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	<b>18.763.147.666</b>	<b>18.763.147.666</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội diện tích 1.202.5 m<sup>2</sup> tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và thuê 23.600 m<sup>2</sup> đất tại đường Đào Cam Mộc, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích cho thuê và làm trụ sở văn phòng.

Ngoài ra, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất với Tổng công ty thương mại Hà nội tại địa chỉ số 07 Đinh Tiên Hoàng và cho đối tác thuê lại hàng năm.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.231,43	1.277,63

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	825.415.551.996	802.796.073.403
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.342.730.349	16.082.615.444
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.658.051.069	3.316.261.078
	<u>872.416.333.414</u>	<u>822.194.949.925</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>5.186.566.552</u>	<u>21.281.426.008</u>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	824.323.164.394	800.548.051.713
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.111.054.012	13.030.453.430
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.369.613.079	3.023.102.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	366.781.347	-
	<u>865.170.612.832</u>	<u>816.601.607.602</u>
Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>686.780.524</u>	<u>890.750.346</u>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.903.945.115	10.152.740.508
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.061.757.351	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	81.305.465.732	80.506.679.230
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	768.293
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.952	-
	<u>93.271.184.150</u>	<u>90.660.188.031</u>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>627.252.000</u>	<u>418.168.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	58.609.181
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	149.563	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	403.545.603	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	21.141.784.132	1.255.221.044
Chi phí tài chính khác	-	6.132.103
	<b>21.545.479.298</b>	<b>1.319.962.328</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.839.396	47.693.705
Chi phí nhân công	5.336.084.216	4.623.552.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.020.982	1.906.207.080
Chi phí khác bằng tiền	1.017.220.541	1.845.385.159
	<b>8.113.165.135</b>	<b>8.422.837.948</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.786.096	622.237.514
Chi phí nhân công	15.813.684.803	14.144.943.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.550.332	223.838.195
Thuế, phí, lệ phí	139.193.340	125.368.860
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(6.549.956.000)	23.636.375.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.523.276.116	4.063.563.341
Chi phí khác bằng tiền	10.971.945.144	7.823.473.224
	<b>27.834.479.831</b>	<b>50.639.800.407</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	270.163.636	-
Xóa nợ phải trả	-	1.417.145.509
Thu nhập khác	117.071.613	730
	<b>387.235.249</b>	<b>1.417.146.239</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	49.109.580	830.638.865
Chi phí khác	73.749.547	42.793.089
	<b>122.859.127</b>	<b>873.431.954</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.288.156.590	36.414.643.956
Các khoản điều chỉnh tăng	-	26.217.558.460
- Chi phí không hợp lệ	-	26.217.558.460
Các khoản điều chỉnh giảm	(81.305.465.732)	(80.506.679.230)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(81.305.465.732)	(80.506.679.230)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(38.017.309.142)	(17.874.476.814)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(123.847.491)	(123.847.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(123.847.491)</b>	<b>(123.847.491)</b>

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 26 và Thuyết minh số 27.

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.219.962.461	-	25.551.131.787	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	270.182.842.301	(207.335.870.657)	327.394.947.554	(213.885.826.657)
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	<b>445.402.804.762</b>	<b>(207.335.870.657)</b>	<b>461.493.324.863</b>	<b>(213.885.826.657)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			46.886.978.000	53.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác			31.285.480.318	68.537.738.727
Chi phí phải trả			120.000.000	120.000.000
			<b>78.292.458.318</b>	<b>122.544.716.727</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.219.962.461	-	-	22.219.962.461
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.578.530.850	2.268.440.794	-	62.846.971.644
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	-	153.000.000.000
	<b>235.798.493.311</b>	<b>2.268.440.794</b>	<b>-</b>	<b>238.066.934.105</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.551.131.787	-	-	25.551.131.787
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.240.680.103	2.268.440.794	-	113.509.120.897
Các khoản cho vay	108.547.245.522	-	-	108.547.245.522
	<b>245.339.057.412</b>	<b>2.268.440.794</b>	<b>-</b>	<b>247.607.498.206</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	46.886.978.000	-	-	46.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác	31.285.480.318	-	-	31.285.480.318
Chi phí phải trả	120.000.000	-	-	120.000.000
	<b>78.292.458.318</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.292.458.318</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	53.886.978.000	-	-	53.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác	68.537.738.727	-	-	68.537.738.727
Chi phí phải trả	120.000.000	-	-	120.000.000
	<b>122.544.716.727</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>122.544.716.727</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>5.186.566.552</b>	<b>21.281.426.008</b>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	6.676.815	138.033.974
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	2.072.445.737	1.967.912.034
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.107.444.000	19.175.480.000
<b>Mua hàng</b>		<b>1.823.144.160</b>	<b>890.750.346</b>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	686.780.524	890.750.346
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	1.136.363.636	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>627.252.000</b>	<b>418.168.000</b>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	627.252.000	418.168.000
<b>Giá vốn hàng bán</b>		<b>686.780.524</b>	<b>890.750.346</b>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	686.780.524	890.750.346

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>23.707.834.015</b>	<b>42.168.127.695</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.418.188.400	21.878.516.186
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	20.121.805.615	20.121.771.509
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	167.840.000	167.840.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>6.574.462.213</b>	<b>6.567.117.714</b>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	6.554.639.724	6.554.639.724
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	19.822.489	12.477.990

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	798.125.936	812.875.571
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.662.719.808	4.724.631.036

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán.

**Hà Thị Thanh Hậu**  
Người lập

**Hoàng Minh Đức**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đình Trung**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020*